

Ziemeļu divdienas

Distanču parametri

Otrā diena – 12. Aprīls - garā distance

S8	1.4km* - 5 KP	V8	1.4km* - 5 KP
S10	1.4km* - 5 KP	V10	1.4km* - 5 KP
S12	2.9km - 8 KP	V12	2.9km - 8 KP
S14	3.6km - 11 KP	V14	4.2km - 13 KP
S16	4.8km - 14 KP	V16	7.3km - 18 KP
S18	6.7km - 18 KP	V18	9.7 km - 21 KP
S20	7.3km - 18 KP	V20	10.4km - 25 KP
S21E	9.2km - 22 KP	V21E	14.6km - 33KP
S21A	6.7km - 18 KP	V21A	10.4km - 25 KP
S21B	3.6km - 11 KP	V21B	5.2km - 13 KP
S35	6.7km - 18 KP	V35	10.4 km - 25 KP
S40	5.3km - 15 KP	V40	9.7km - 21KP
S45	4.8km - 14 KP	V45	9.2km - 22 KP
S50	4.8km - 13 KP	V50	8.6 km - 18 KP
S55	4.8km - 13 KP	V55	7.8 km - 19 KP
S60	4.5km - 11 KP	V60	7.3km - 18 KP
S65	4.5km - 11 KP	V65	6.7km - 18 KP
S70	4.1km - 12 KP	V70	5.3km - 15 KP
S75	4.1km - 12 KP	V75	4.8km - 14KP
S80	3.7km - 11KP	V80	3.7 km - 11KP

OPEN 0 1.8km- 4 KP

OPEN 1 3.2km - 8 KP

OPEN 2 5.9km – 15 KP

*pa taisno 1.4km, pa marķējumu 2.2 km